

ANam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 3035/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của ngành công thương tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 3129/TTr-SCT ngày 20 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai (*nội dung & danh mục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế các Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017; Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018; Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công thương cập nhật nội dung, quy trình giải quyết cụ thể của từng thủ tục hành chính lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh in ấn, photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của

quyết định này; cập nhập nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Sở Công thương, UBND các huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm hành chính công tỉnh; Trung tâm kinh doanh VNPT và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 303/2018/QĐ-UBND ngày 29/8/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Số trang
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ	
I.	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
1	Thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại	11
2	Thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	14
3	Thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại	17
4	Thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	22
5	Thủ tục đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại	25
6	Thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại	29
II.	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	
7	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	32
8	Thủ tục cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	37
III.	Lĩnh vực Hóa chất	
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	42
10	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	48
11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	51
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	54
13	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	59
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	64
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng	68

	công nghiệp nguy hiểm	
IV.	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	71
17	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	78
18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	85
19	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	91
20	Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	97
V.	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	
21	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	102
22	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	106
23	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	109
24	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	116
25	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	120
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	123
27	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	128
28	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	133
29	Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	137
30	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	140

31	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	144
32	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	148
33	Thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	151
34	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	155
35	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	159
36	Thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	162
37	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	166
38	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	170
39	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG	174
40	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG	179
41	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG	182
42	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	185
43	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	188
44	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	191
45	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	194
46	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	197
47	Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	200
48	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	203
49	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào	206

	phương tiện vận tải	
50	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	209
51	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	212
52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	215
53	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	218
54	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	221
55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	224
56	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	227
VI.	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
57	Thủ tục đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	230
58	Thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	234
59	Thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	238
60	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	244
61	Thủ tục đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	247
62	Thủ tục đăng ký lại Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	251
63	Thủ tục tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	255
64	Thủ tục tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	258
VII.	Lĩnh vực Giám định thương mại	
65	Thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	261
66	Thủ tục đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	264
VIII.	Lĩnh vực thương mại quốc tế	
67	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	267

68	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	272
69	Thủ tục cấp gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	276
70	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	279
71	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	283
72	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí	286
73	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	292
74	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quyền phân phối bán lẻ hàng hóa gồm gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí	298
75	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí	304
76	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	310
77	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quyền phân phối bán lẻ hàng hóa gồm gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí	316
78	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh	322
79	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế	325
80	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ trường hợp phải thực hiện kiểm tra nhu cầu kinh tế	330
81	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp thay đổi nội dung tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình cơ sở bán lẻ, trừ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất và trường hợp thay đổi loại hình cơ sở bán lẻ thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị	335

	min; trường hợp điều chỉnh giảm diện tích cơ sở bán lẻ	
82	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500 m ²	340
83	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	345
84	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	350
85	Thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	356
86	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	359
IX.	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	
87	Thủ tục cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	362
88	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	366
89	Thủ tục cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	369
90	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	372
91	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	375
92	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	378
X.	Lĩnh vực Điện	
93	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	381
94	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	386
95	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03 MW đặt tại địa phương	390
96	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối	395

	với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương	
97	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	399
98	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	403
99	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	406
100	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	411
101	Thủ tục cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	415
102	Thủ tục cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	418
XI.	Lĩnh vực Năng lượng	
103	Thủ tục điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh hợp phần quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp có tổng dung lượng lớn hơn 2.000 kVA)	421
XII.	Lĩnh vực công nghiệp nặng	
104	Thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	423
XIII.	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
105	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	426
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I.	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	434
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	438
3	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng	441

	bán lẻ LPG chai	
4	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	444
5	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	447
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	451
7	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	454
8	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	458
9	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	462
10	Thủ tục cấp giấy phép bán lẻ rượu	465
11	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	469
12	Thủ tục cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	472
13	Thủ tục cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	475
14	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	479
15	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	482
II.	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	485
III.	Lĩnh vực điện	
17	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình điện trung thế	492